**BÀI 2 – TOÁN 7- đại số- Cánh diều**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

Tiết theo KHDH:

**CHƯƠNG I. SỐ HỮU TỈ**

**§2. CỘNG, TRỪ, NHÂN, CHIA SỐ HỮU TỈ**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:*

HS được học các kiến thức về:

- Quy tắc Cộng, trừ, nhân, chia hai số hữu tỉ

- Các tính chất của phép cộng các số hữu tỉ: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối.

- Các tính chất của phép nhân các số hữu tỉ: giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, phép nhân phân phối đối với phép công- phép trừ.

- Học sinh nhận biết số nghịch đảo của một số hữu tỉ.

- H vận dụng các tính chất của phép cộng, phép nhân các số hữu tỉ vào giải các bài tập tính toán, tính toán nhanh, bài toán liên quan tới thực tế.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu đhoạtquy tắc cộng, trừ,nhân, chia 2 số hữu tỉ, tính chất của phép cộng, phép nhân các số hữu tỉ .

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành nhận xét cộng, trừ, nhân, chia 2 số hữu tỉ, tính chất cơ bản của phép cộng, phép nhân các số hữu tỉ; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, một số hình ảnh hoặc clip về hầm và đèo Hải Vân, phiếu học tập cho Hs, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhph, bút viết nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Khởi động** (khoảng 5 phút)

**a)Mục tiêu :**

- Từ bài toán thực tế dẫn tới hình thành tính toán được bài toán .

**b)Nội dung:**

- Hs cùng nghiên cứu bài toán thực tế ở đầu bài

**c)Sản phẩm:** nghiên cứu bài toán thực tế và tìm cách giải quyết.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:** GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, quan sát bài toán thực tế được đưa ra ở đầu hoạt động (thông qua tranh hoặc clip về hầm đèo Hải vân) và cho biết:  - Bài toán cho biết đại lượng nào?  - Còn đại lượng nào chưa biết?  - Làm thế nào để tính được độ dài của đèo Hải Vân là bao nhiêu km?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Hs quan sát, suy nghĩ câu trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi từng hs trả lời các câu hỏi  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét bài làm của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới:  Để tính được độ dài đèo hải Vân ta phải lấy 6,28 chia cho . Tức là lấy 6,28 nhân nghịch đảo của  là . Kết quả trải nghiệm này cho thấy nhu cầu của chúng ta trong việc sử dụng các phép tính trong các tình huống thực tế. Thông qua hoạt động này chúng ta thêm 1 lần nữa tìm hiểu được về thiên nhiên dất nước. Từ đó thấy được sự gần gũi của Toán học trong cuộc sống.Vậy làm thế nào để nhân, chia cũng như cộng, trừ các số hữu tỉ? Chúng ta sẽ cùng trả lời câu hỏi đó trong bài học hôm nay. | - Độ dài hầm Hải Vân là 6,28km và bằng  độ dài của đèo Hải Vân  - Ta phải tính được độ dà của đèo hải Vân là  (km) |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1. CỘNG, TRỪ HAI SỐ HỮU TỈ. QUY TẮC CHUYỂN VẾ**( khoảng 30 phút)

**Hoạt động 2.1.1: Quy tắc cộng, trừ hai số hữu tỉ**( 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được cộng, trừ 2 số hữu tỉ chính là phép cộng, trừ hai phân số hoặc 2 số thập phân.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu trả lời câu hỏi hoạt động 1 từ đó rút ra quy tắc cộng, trừ 2 số hữu tỉ

- Theo dõi sách giáo khoa và lắng nghe gv giải thích để hiểu cách cộng, trừ 2 số hữu tỉ.

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:  +) Muốn cộng hai phân số ta làm như thế nào?  +) Muốn cộng hai số thập phân ta làm như thế nào?  +) Tính:  C:\Users\TUYET LAN\Desktop\hd1.png  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Với mỗi câu hỏi, GV gọi từng học sinh trả lời  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV nêu lại quy tắc cộng, trừ hai số hữu tỉ trên bảng.  G:Nhấn mạnh mối hiên hệ giữa phép cộng và phép trừ: phép trừ cho một số hữu tỉ là phép cộng với số đối của số hữu tỉ đó.  - GV ghi lại ví dụ  - G gọi hs làm luyện tập 1 theo nhómC:\Users\TUYET LAN\Desktop\ltapj 1.png | **I. CỘNG, TRỪ HAI SỐ HỮU TỈ. QUY TẮC CHUYỂN VẾ**  **1. Quy tắc cộng, trừ hai số hữu tỉ**  ***a) Hoạt động 1***    0,123- 0,234 = - 0,111  ***b) Quy tắc***:  C:\Users\TUYET LAN\Desktop\NHẬN XÉT CỘNG.png  ***c) Ví dụ***  C:\Users\TUYET LAN\Desktop\ví dị 1.png  d) luyện tập 1  a)  b) |

**Hoạt động 2.1.2: Tính chất của phép cộng các số hữu tỉ** ( 12 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được t/c cộng hai số hữu tỉ

**b) Nội dung:**

- Học sinh hoạt động nhóm bàn( mỗi bàn là một nhóm) thực hiện yêu cầu của HĐ2( sgk – 13)

- Từ các hoạt động để rút ra t/c cộng 2 số hữu tỉ .

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của HĐ( SGK/13)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động nhóm bàn làm HĐ2  - Từ HĐ2 nêu T/c cộng 2 số hữu tỉ  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời HĐ2  - GV mời một hs khác nêu T/c cộng 2 số hữu tỉ .  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV nêu lại T/c cộng 2 số hữu tỉ (SGK/13)  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4 :**  - Hs hoạt động cá nhân VD 2 ( SGK/13)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4 :**  - HS hoạt động VD 2  **\* Báo cáo, thảo luận 4 :**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời VD 2  **\* Kết luận, nhận định 4 :**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5 :**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của luyện tập 2 ( SGK/13)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5 :**  - HS hoạt động nhóm bàn làm luyện tập 2  **\* Báo cáo, thảo luận 5 :**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời luyện tập 2 .  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 5 :**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | **2. Phép cộng hai số nguyên âm**  \* HĐ 2:T/c của phép cộng các số nguyên:  - Giao hoán  - kết hợp  - Cộng với số 0  - Cộng với số đối  ***a) Tính chất :***  C:\Users\TUYET LAN\Desktop\tính chất phép cộng.png  b) Ví dụ 2 ( SGK/T 13)  c ) Luyện tập 2: Tính một cách hợp lý |

**Hoạt động 2.1.3: Quy tắc chuyển vế** (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được quy tắc chuyển vế số hữu tỉ

**b) Nội dung:**

- Học sinh hoạt động nhóm bàn( mỗi bàn là một nhóm) thực hiện yêu cầu của HĐ3( sgk – 13)

- Từ các hoạt động để rút ra quy tắc chuyển vế số hữu tỉ .

**c)Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 6:**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của HĐ 3( SGK/13)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 6:**  - HS hoạt động nhóm bàn làm HĐ3  - Từ HĐ3, hs nêu quy tắc tìm một số hạng của tổng hai số khi biết tổng và số hạng còn lại  **\* Báo cáo, thảo luận 6:**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời HĐ3  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 6:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 7 :**  - Hs hoạt động cá nhân: nhận xét dấu của số hạng đã biết khi chuyển vế  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 7 :**  Hs hoạt động cá nhân: nhận xét dấu của số hạng đã biết khi chuyển vế  **\* Báo cáo, thảo luận 7 :**  - GV mời 1 nhóm nhanh nhất trả lời  **\* Kết luận, nhận định 7 :**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - G nêu quy tắc chuyển vế só hữu tỉ.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 8 :**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của VD 3( SGK/13)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 8 :**  - HS hoạt động nhóm bàn làm VD 3  **\* Báo cáo, thảo luận 8 :**  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất trả lời VD3.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 8 :**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 9 :**  - Hs hoạt động nhóm bàn để hoàn thành yêu cầu của luyện tập3( SGK/14)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 9 :**  - HS hoạt động nhóm bàn làm luyện tập 3  **\* Báo cáo, thảo luận 9 :**  - GV mời 2 nhóm nhanh nhất trả lời luyện tập 3.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 8 :**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. | 3. Quy tắc chuyển vế  **a) HD3**  \* HĐ 3:  a) Tìm số nguyên x, biết x + 5 = -3  x + 5 = - 3  x = - 3 – 5  x = -8  b) Trong T.H các số nguyên, muốn tìm một số hạng của tổng hai số khi biết tổng và số còn lại, ta lấy tổng trừ đi số hạng đã biết  b)Quy tắc chuyển vế  C:\Users\TUYET LAN\Desktop\quy tắc chuyển vế.png   1. Vd3 ( sgk/ t 13-14)   d ) Luyện tập 3: Tìm x, biết:   |  |  | | --- | --- | | a) | b) | |

**Hoạt động là 2.1.4: Luyện tập** (khoảng 2 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs luyện tập về phép cộng, trừ 2 số hữu tỉ

**b) Nội dung:**

Trò chơi “ Ai nhanh hơn”

**c)Sản phẩm:** học sinh thành thạo hơn về phép cộng, trừ 2 số hữu tỉ

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV chia lớp thành các đội thích hợp. Phát bảng phụ cho mỗi nhóm bàn

Luật chơi:

- GV đưa ra một số. Các đội có nhiệm vụ viết các phép cộng, trừ của 2 số hữu tỉ sao cho kết quả là số GV đưa ra. Trong thời gian 60 giây, đội nào viết được nhiều phép tính đúng nhất là đội chiến thắng.

VD: Cho số .

- Có thể chơi 2, 3 lần tùy thời gian

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (1 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: các quy tắc cộng trừ, T/c cộng các số hữu tỉ

- Làm bài tập 1, 2,3 SGK trang 16.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2**

**1.Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 3 phút)

- Thực hiên một số phép nhân hai số tự nhiên đơn giản

a) Mục tiêu: Kích thích sự tò mò về kết quả của phép nhân sau: 

b) Nội dung: HS được yêu cầu thực hiên một số phép nhân hai số nguyên

c) Sản phẩm: HS thực hiên được phép nhân hai số nguyên theo yêu cầu và ghi lại kết quả ra giấy nháp.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Làm tính nhân:  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Làm tính theo yêu cầu  **\* Nhận xét và đặt vấn đề 1:**  - Ta biết:  ,phải chăng |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 40 phút)

**Hoạt động 2.1: NHÂN, CHIA HAI SỐ HỮU TỈ**(khoảng 17 phút)

a) Mục tiêu: Hoc sinh tìm được quy tắc nhân, chia hai số hữu tỉ .

b) Nội dung: HS được yêu cầu:

+ Hoàn thành phép tính: H Đ 4, VD4, luyện tập 4, luyện tập 5

+ Nêu quy tắc nhân, chia hai số hữu tỉ .

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  Thảo luận nhóm thực hiện hoạt động 4 trong SGK  Nhóm đôi thảo luận để trả lời câu hỏi phần khám phá kiến thức SGK  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2**  HS thảo luận, trưởng nhóm thống nhất ý kiến viết kết quả ra bảng nhóm  **\*Hướng dẫn hỗ trợ:** Thực hiện phép tính từ trái sang phải và áp dụng quy tắc nhân, chia hai phân số hoặc hai số thập phân.  **\* Báo cáo, thảo luận 2**  GV cho các nhóm báo cáo và đánh giá kết quả.  **\*Kết luận, nhận định 2**  GV nhận xét chốt kiến thức và cho điểm nhóm làm tốt.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  Nhóm đôi thảo luận để trả lời câu hỏi phần khám phá kiến thức SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3**  HS dựa vào kết quả tìm được của nhiệm vụ 2 từ đó trả lời.  **\* Báo cáo, thảo luận 3**  GV cho hs đứng tại chỗ nêu kết quả.  **\*Kết luận, nhận định 3**  - GV nêu quy tắc nhân, chia hai số hữu tỉ như SGK.  - GV gọi đọc quy tắc.  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 4**  HĐ cá nhân làm:  +VD 4 trong SGK trang 14  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4**  HS làm việc cá nhân lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 4**  + Lời giải VD4  + HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\*Kết luận, nhận định 4**  + GV nhận xét và chốt kiến thức  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 5**  + GV cho học sinh trả lời kq phép tính trong phần mở đầu  + GV cho H làm luyện tập 5  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5**  HS làm việc cá nhân lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên  **\* Báo cáo, thảo luận 5**  HS trả lời miệng, hs khác nghe và nhận xét  **\*Kết luận, nhận định 5**  +GV nhận xét và chốt kiến thức | **II.NHÂN, CHIA HAI SỐ HỮU TỈ**  **1.Quy tắc nhân chia hai số hữu tỉ**  **HĐ4:**  a)Ta có:    b) Ta có:    c)Ta có:  0,6.(-0,15) = - 0,6.0,15 = - 0.9  \*Quy tắc nhân, chia hai số hữu tỉ : SGK/ Trang 14  \* Ví dụ 4( SGK/T 14)  Luyện tập 4  Ta phải tính được độ dà của đèo hải Vân là  (km)  Luyện tập  Thời gian ô tô đi hết quãng đường AB là:  ( giờ) = 2,5 giờ |

**Hoạt động 2.2: Tính chất của phép nhân các số hữu tỉ** (khoảng 23 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh nêu được tính chất của phép nhân các số hữu tỉ.

b) Nội dung: Học sinh được yêu cầu:

+ Hoàn thành hoạt động 5, hoạt động 6 trong SGK/ Trang 15

+ Nêu các T/c của phép nhân các số hữu tỉ .

+ Làm VD5, VD6 và luyện tập 6,7 trong SGK trang 15-16

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\*GV giao nhiệm vụ học tập 6**  + Nêu các T/c của phép nhân các số nguyên ( H Đ 5).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 6**  HS thực hiên yêu cầu cá nhân  **\* Báo cáo, thảo luận 6**  T/c của phép nhân các số nguyên  **\*Kết luận, nhận định 6**  GV giới thiệu nhân hai số nguyên dương  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 7**  Nhóm đôi thảo luận để trả lời câu hỏi phần khám phá kiến thức SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 7**  HS thảo luận, trưởng nhóm thống nhất ý kiến  **\*Báo cáo, thảo luận 7**  Đại diện hai nhóm báo cáo kết quả  **\*Kết luận, nhận định 7**  GV nhận xét chốt kiến thức và nhấn mạnh lại t/c của phép nhân các số hữu tỉ.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 8**  Nhóm đôi thảo luận để theo dõi VD 5 SGK  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 8**  HS dựa vào kết quả tìm được của VD 5 từ đó trả lời  **\* Báo cáo, thảo luận 8**  GV cho HS đứng tại chỗ nêu kết quả  GV chiếu cách làm trên màn hình  **\*Kết luận, nhận định 8**  - Gv chốt lại kiến thức  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 9**  HĐ nhóm làm luyện tập 6/ T15  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 9**  HS thảo luận, trưởng nhóm thống nhất ý kiến lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên bảng với nhóm nhanh nhất  **\* Báo cáo, thảo luận 9**  + Lời giải luyện tập 6  **\*Hướng dẫn hỗ trợ:**  +Đưa về cùng phân số rồi thực hiện các phép tính với số hữu tỉ  + HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu  **\*Kết luận, nhận định 9**  +GV nhận xét và chốt kiến thức  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 10**  Hoạt động các nhân H Đ 6  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 10**  HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên  **\* Báo cáo, thảo luận 10**  HS trả lời miệng, hs khác nghe và nhận xét  **\*Kết luận, nhận định 10**  +GV nhận xét và chốt kiến thức  + Từ nội dung trên GV nêu khám phá kiến thức  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 11**  HĐ cá nhân làm:  +VD 6 trong SGK trang 15  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 11**  HS làm việc cá nhân lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Báo cáo, thảo luận 11**  + Lời giải VD 6  + HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\*Kết luận, nhận định 11**  + GV nhận xét và chốt kiến thức  **\*GV giao nhiệm vụ học tập 12**  Hoạt động cá nhân luyện tập 7  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 12**  HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ trên  **\* Báo cáo, thảo luận 12**  HS trả lời miệng, hs khác nghe và nhận xét  **\*Kết luận, nhận định 12**  +GV nhận xét và chốt kiến thức | **2. Tính chất của phép nhân các số hữu tỉ**  **H Đ 5**  T/c của phé nhân các số nguyên:  Giao hoán  Kết hợp  Nhân với số 1  Phân phối của phép nhân đối với phép cộng và phép trừ  ***Tính chất( SGK T 15)***    Luyện tập 6: Tính một cách hợp lý  a)    Hoặc    b)    H Đ 6: Phân số nghịch đảo của phân số  là phân số  Mỗi số hữu tỉ a khác 0 đều có số nghịch đảo sao cho tích của số đó với a bằng 1  Nhận xét: sgk/t15 |

**\*Hướng dẫn tự học ở nhà** (khoảng 2 phút)

- Đọc lại nội dung bài đã học

- Nắm được cách nhân, chia hai số hữu tỉ. Tính chất của phép nhân các số hữu tỉ.

- Làm bài tập 2, 3,4, 5 trong SGK trang 16

- tiết sau học luyện tập .

-----------------------------------------------------------

***Tiết 3***

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** (40 phút)

a) Mục tiêu: HS rèn luyện được

Quy tắc cộng, trừ, nhân, chia hai số hữu tỉ

Tính chất của phép cộng, phép nhân các số hữu tỉ,

Giải quyết được một số bài toán có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

b) Nội dung:

HS được yêu cầu làm các bài tập từ 1 đến 7 trong SGK trang 16 với các phần trọng tâm.

c) Sản phẩm:

Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở: lời giải các bài tập từ 1 đến 5 SGK trang 16.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  - HS hoạt động cá nhân nhắc lại các kiến thức sau:  + Quy tắc nhân,chia hai số hữu tỉ.  + Quy tắc cộng, trừ hai số hữu tỉ.  - Làm bài tập 2, 3 SGK trang 16.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo cá nhân.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 2,3: cần xác định dấu kq của phép tính.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - 3 HS lên bảng làm bài 2  - 2 HS lên bảng làm bài 3  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ 2:**  - HS hoạt động cá nhân nhắc lại các kiến thức sau:  + Quy tắc chuyển vế của số hữu tỉ  - Làm bài tập 4 SGK trang 16.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo cá nhân.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 4: cần xác định Quy tắc chuyển vế của số hữu tỉ  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  4 HS lên bảng làm bài 4  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **III. LUYỆN TẬP:**  *Dạng 1: Thực hiện phép tính*  **Bài 2/SGK/16:Tính**  a)  b)  c)  **Bài 3/SGK/16: Tính một cách hợp lý**  a)  b)  *Dạng 2: Tìm*  **Bài 4/SGK/16:**   |  |  | | --- | --- | | **a)** | **b)** | | **c)** | **d)** | | |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 3:**  - HS hoạt động ghép đôi  - Làm bài tập 5 SGK trang 16.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo nhóm.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 5: cần xác định đúng yêu cầu đầu bài và đúng phương pháp giải  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  1 HS lên bảng làm bài 5  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | *Dạng 3: Toán có lời văn*  **Bài 5/SGK/16:**  Số tiền gốc và lãi của Bác Nhi sau khi hết kỳ hạn 1 năm là:  60 000 000 + 6,5%.60 000 000  =60 000 000 + .60 000 000  =60 000 000 + 3 900 000= 63 900 000( đ)  Số tiền Bác Nhi còn lại trong ngân hàng sau khi rút là:  63 900 000 - .63 900 000  63 900 000 – 21 300 000 = 42 600 000 ( đ)  Đáp số:.... |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ 4:**  - HS hoạt động ghép đôi  - Làm bài tập 6 SGK trang 16.  **\* Thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS: Thực hiện các yêu cầu theo nhóm.  - GV: Quan sát và trợ giúp các em. Hướng dẫn bài 6: cần xác định đúng yêu cầu đầu bài và đúng phương pháp giải  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  1 HS lên bảng làm bài 6  - HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV: nhận xét, sửa sai, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | *Dạng 4: Bài toán thực tế*  **Bài 6 /SGK/16:**  Các Kích thước của hình chữ nhật là:  3,4 + 2,0 + 4,7 = 10,1(m)  5,1 + 5,8 =10,9 (m)  Diện tích toàn bộ hình chữ nhật đó là:  10,1 . 10,9 = 110,09 ()  Diện tích phần bỏ trống là:  3,4 .(10,9 – 7,1) = 3,4 . 3,8 = 12,92 ()  Diện tích mặt bằng của ngôi nhà là:  110,09 – 12,92 = 97,17 ()  Đáp số: .... |

**\* Bài tập về nhà:**

- Bài 1: Tìm số hữu tỉ x, biết:

a)  b) 

- Bài 2: Tìm hai số nguyên khác nhau  và  thỏa mãn  và .

- Bài 3: Một máy cấp đông (làm lạnh nhanh) trong  phút đã làm thay đổi nhiệt độ được . Hỏi trung bình trong một phút máy đã làm thay đổi được bao nhiêu độ C?

- Bài 4: Sau một quý kinh doanh, bác Ba lãi được  triệu đồng, còn chú Tư lại lỗ  triệu đồng. Em hãy tính xem bình quân trong một tháng mỗi người lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

- Bài 7 SGK trang 16.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** (5 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng được các kiến thức đã học để giải một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung:Nhiệm vụ về nhà:

- Vận dụng: quy tắc nhân, chia, cộng, trừ hai số hữu tỉ vào bài toán tìm x, toán có lời văn, giải quyết các bài toán gắn với thực tế.

- Chuẩn bị tiết sau: xem trước nội dung bài “ **PHÉP TÍNH LŨY THỪA VỚI SỐ MŨ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ HỮU TỈ**” SGK trang 17.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

c) Sản phẩm:

- Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV trình chiếu nhiệm vụ như mục Nội dung

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

- HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình.

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.